

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thu H; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2022, bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thu H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 11 năm 2009. Sau khi

kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2011, chị H đã một lần tha thứ cho anh T nhưng đến năm 2018 anh T vẫn tiếp tục sống không chung thuỷ. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, lạnh nhạt với nhau, tuy sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn nên đề nghị ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010; Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014. Trong đơn khởi kiện chị H nhường quyền nuôi cả hai con cho anh T và không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại các bản tự khai chị H nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh T xác nhận chị H trình bày về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng theo anh T là do bất đồng quan điểm và chị H ghen tuông vô cớ. Vợ chồng đã ly thân gần 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Về việc chị H xin ly hôn anh T không đồng ý. Về vấn đề con chung anh T xác nhận chị H khai đúng và trường hợp ly hôn anh T đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Hà M, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010 cho chị Bùi Thu H; giao con Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Phạm Văn T; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thu H và anh Phạm Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu H và anh Phạm Văn T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 11 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Mâu thuẫn vợ chồng theo chị H trình bày là do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tuy sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày do chị H ghen tuông vô cớ khiến vợ chồng phải ly thân gần 1 năm nay. Tuy các đương sự khai về mâu thuẫn vợ chồng khác nhau nhưng đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân gần 1 năm, không ai quan tâm đến ai nữa. Quá trình xác minh chính quyền địa phương, hai bên gia đình đều xác nhận mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010; Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014. Ly hôn, chị H và anh T đều nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Xét, chị H và anh T đều có nghề nghiệp, thu nhập, nơi ở ổn định nên điều kiện nuôi con của anh chị như nhau. Tuy cháu H và cháu Quỳnh C đều có ý kiến được ở mẹ nhưng việc giao cả hai cháu cho chị H là không đảm bảo quyền lợi cho hai cháu. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu và cũng phù hợp với điều kiện thực tế nên căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Phạm Thị Hà M, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010 cho chị Bùi Thu H; giao con Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chị Bùi Thu H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Thị Hà M, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010 cho chị Bùi Thu H; giao con Phạm Thị Quỳnh C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thu H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001316 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thu H và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA